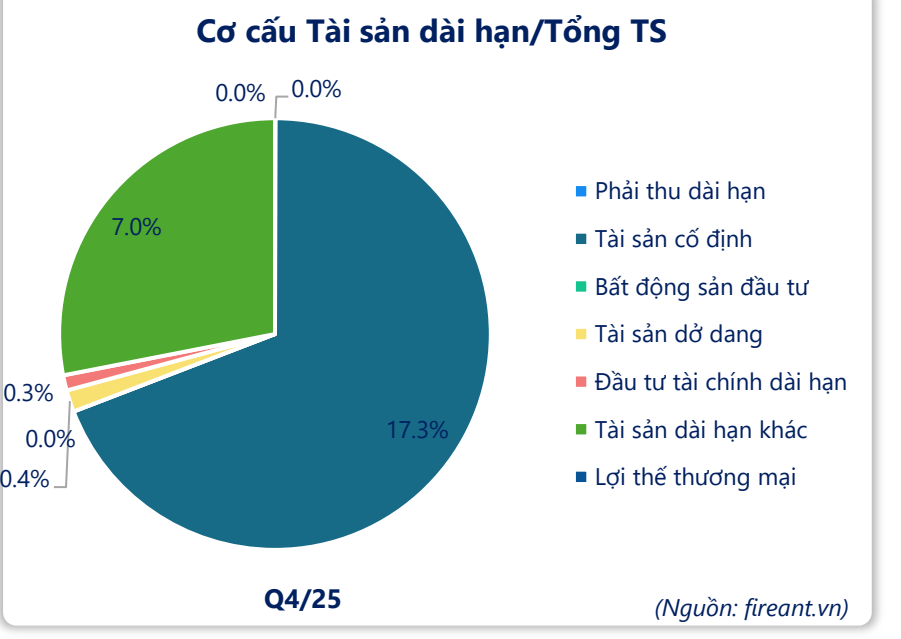
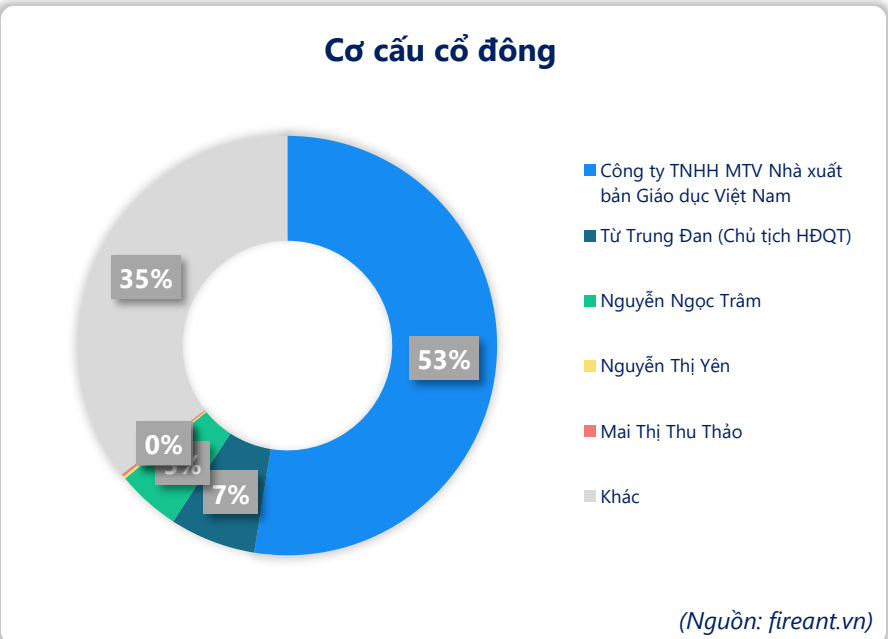
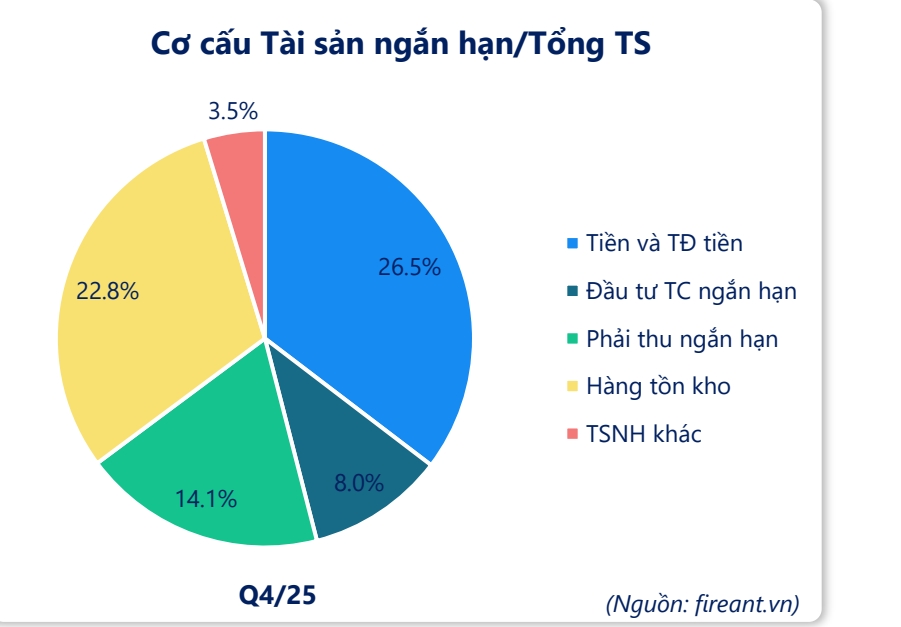
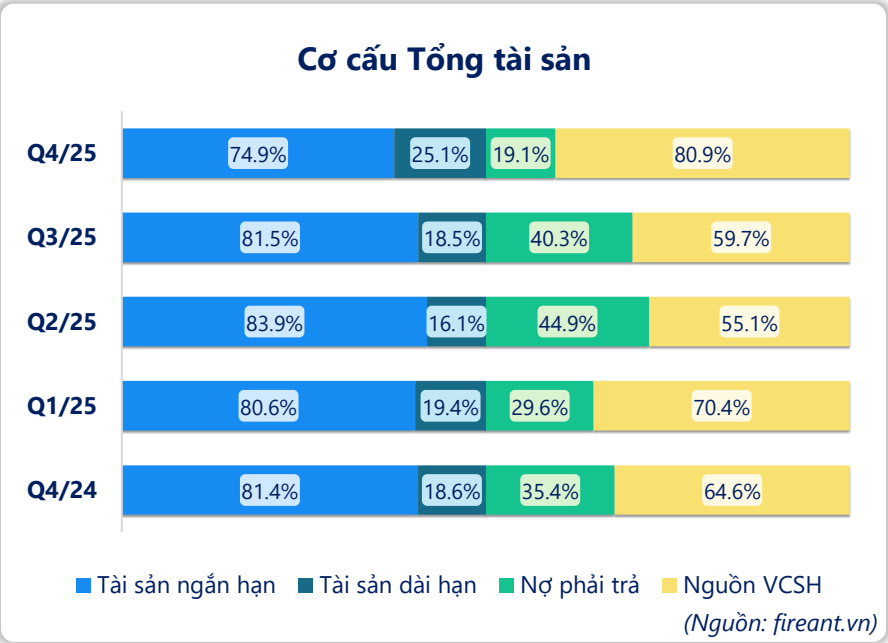
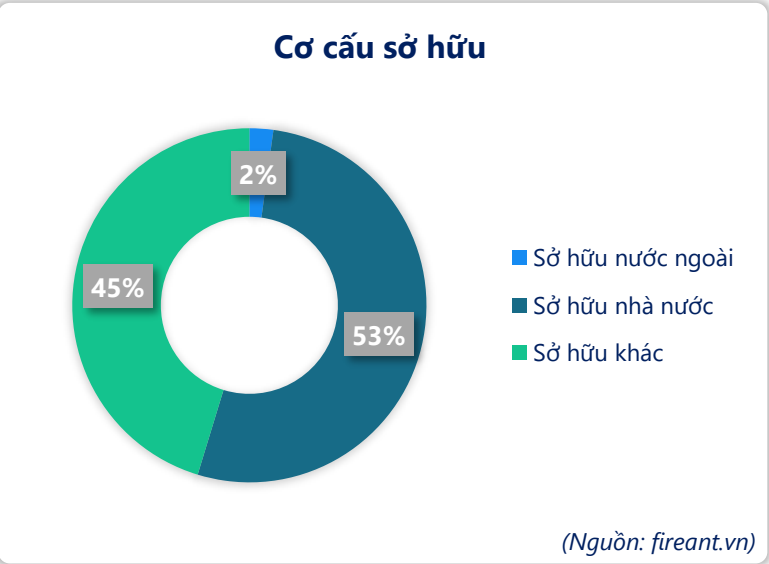
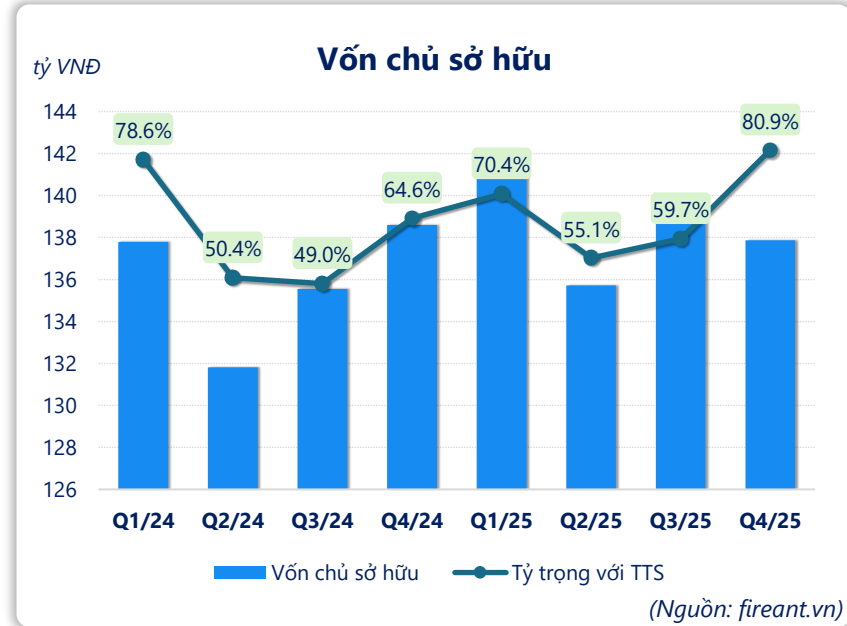
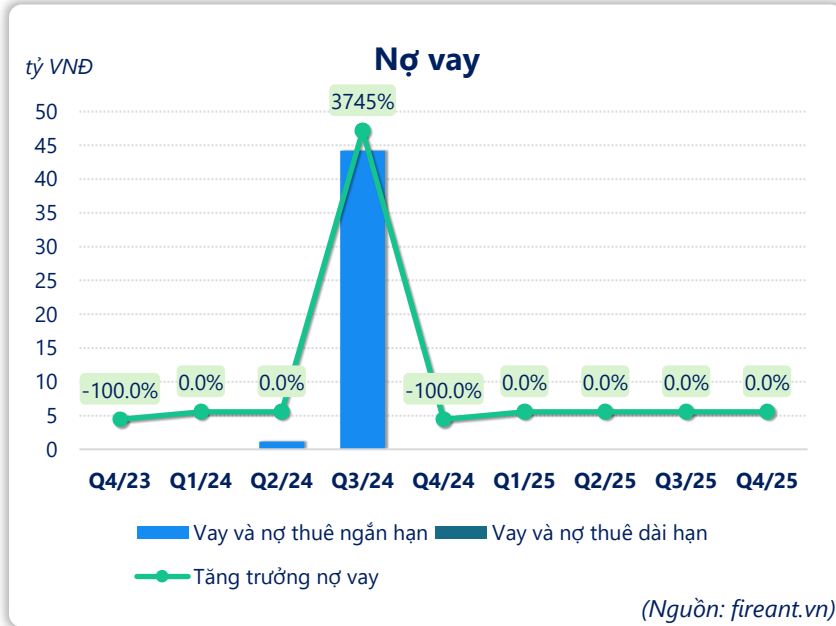
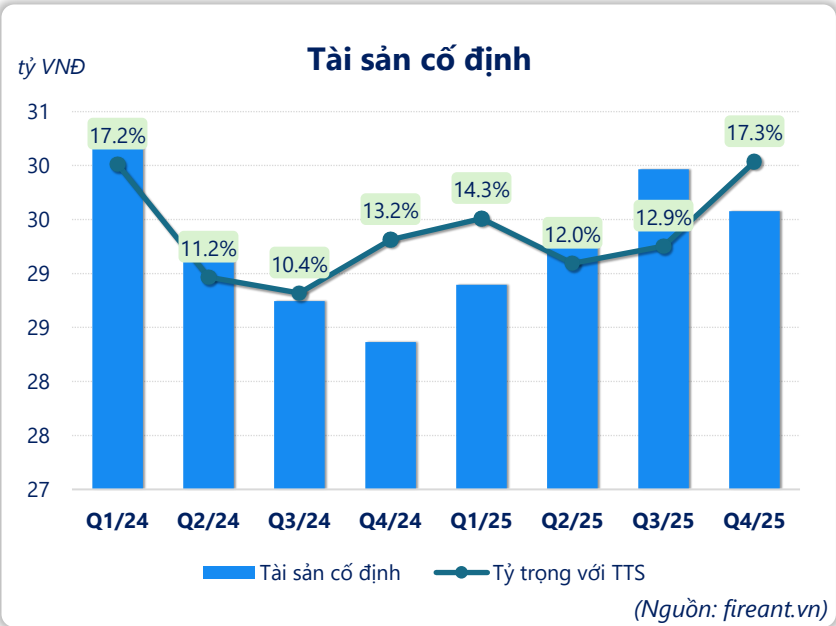
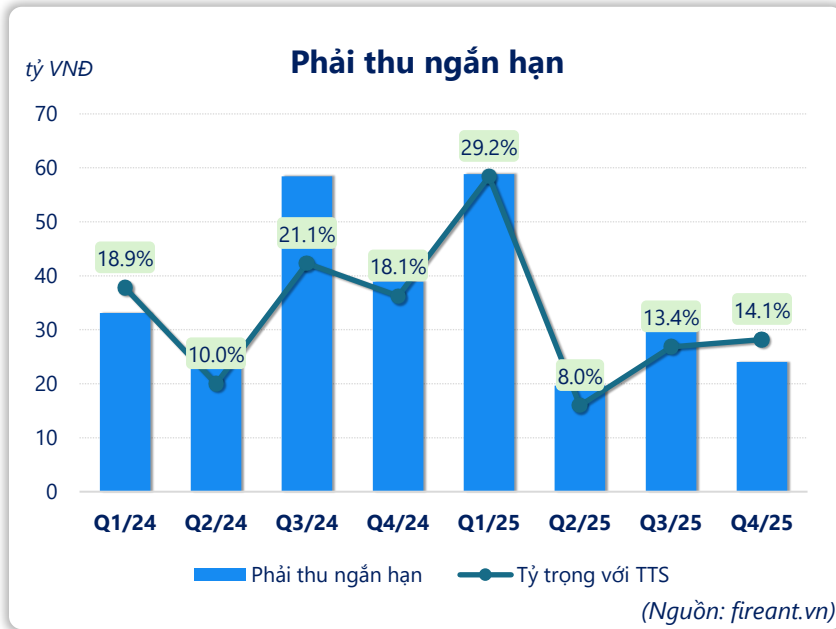
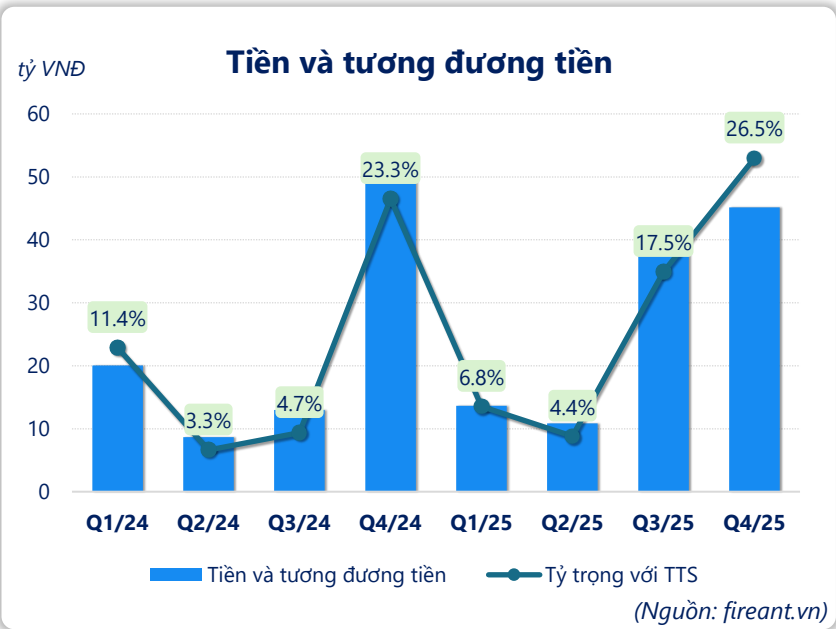
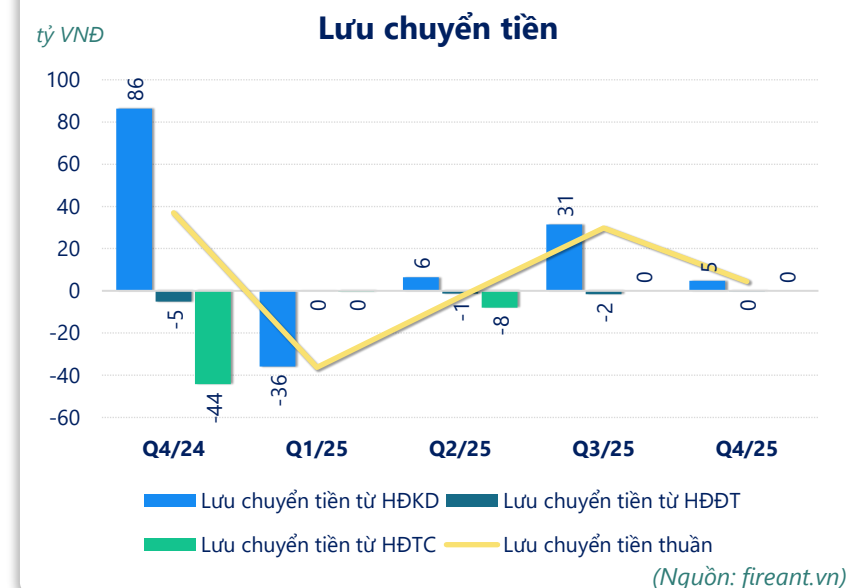
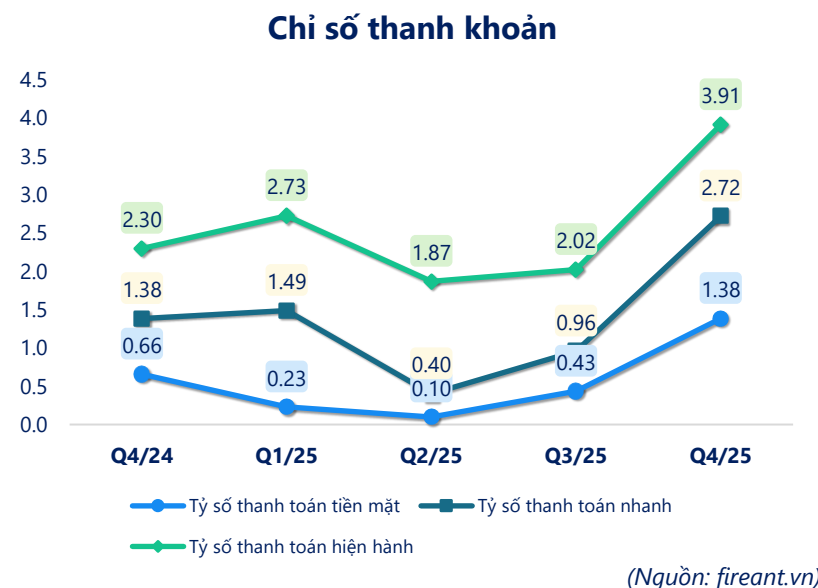
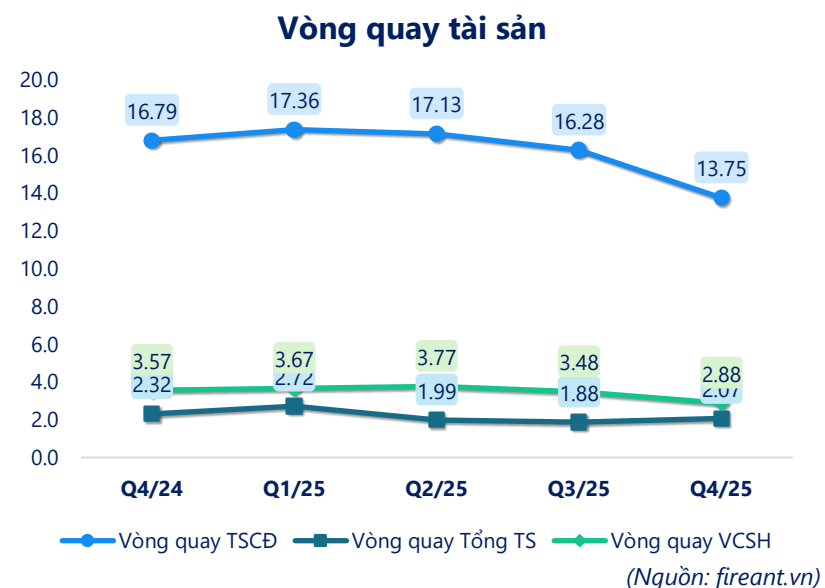
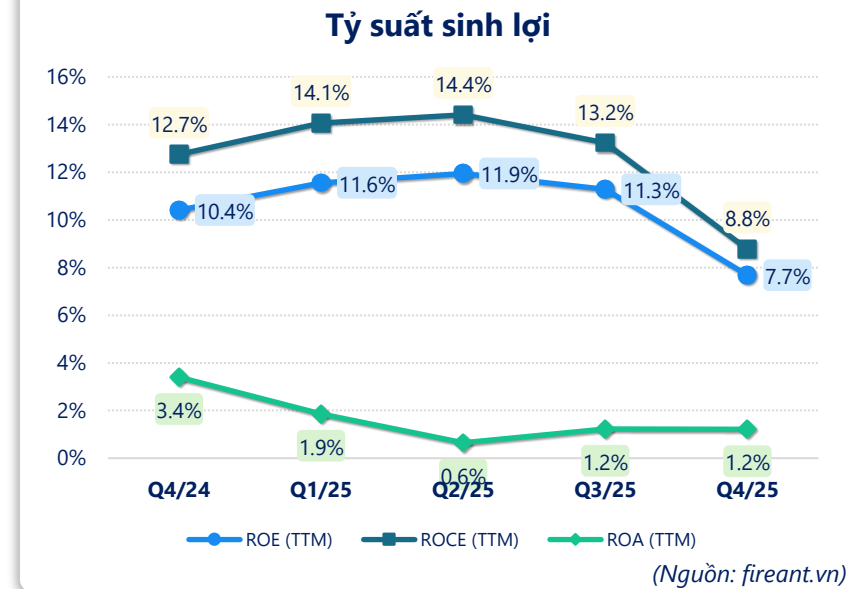
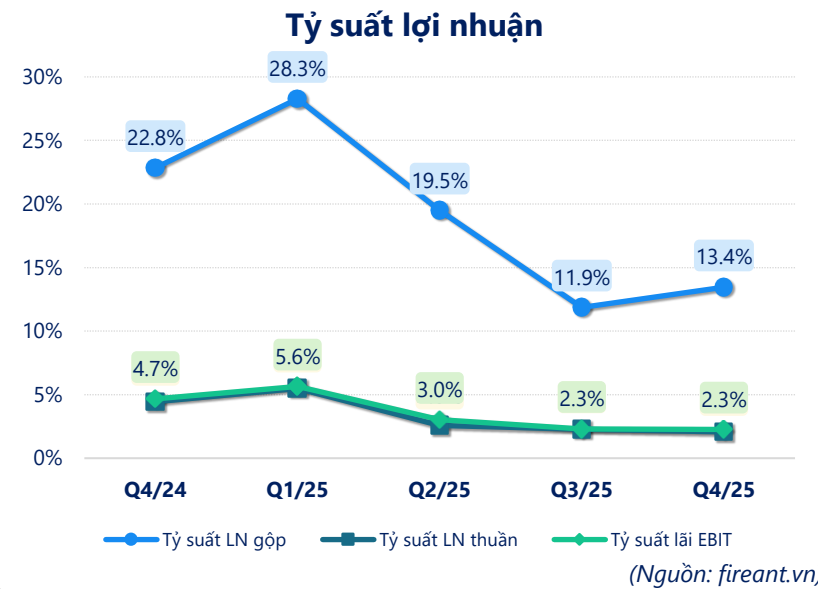
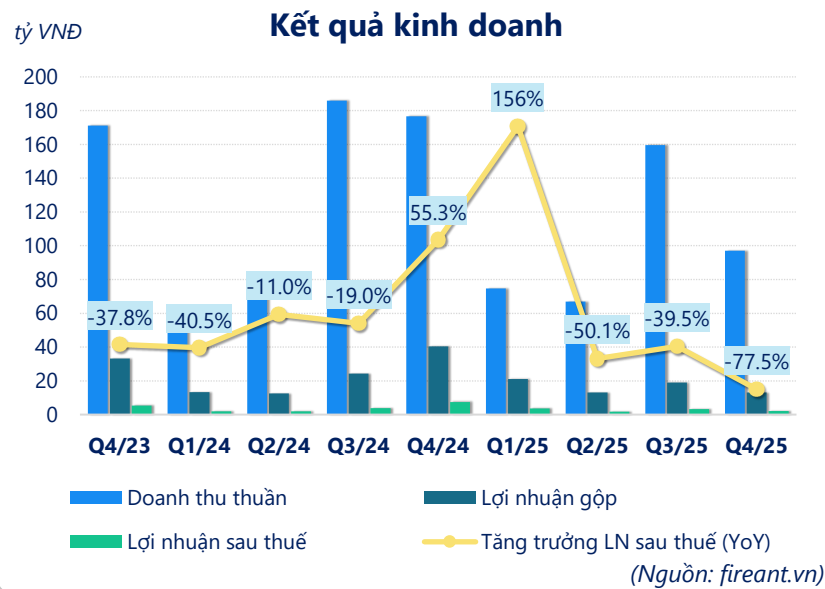


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,400
SL cổ phiếu LH		5,665,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,295
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		91
P/E		8.5
EPS		1,874

	YTD	1T	3T	6T
STC	1.7%	0.0%	-5.9%	-5.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	171	215	-20.5%
Tài sản ngắn hạn	128	175	-26.8%
Tiền và tương đương tiền	45.2	49.9	-9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.6	13.0	4.7%
Phải thu ngắn hạn	24.0	38.9	-38.2%
Hàng tồn kho	38.9	69.6	-44.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.02	3.17	90.0%
Tài sản dài hạn	42.8	39.9	7.2%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	29.6	28.4	4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.70	1.80	-61.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.0	9.27	29.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.6	75.9	-57.0%
Nợ ngắn hạn	32.6	75.9	-57.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	30.8	-65.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	139	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	138	139	-0.5%
Vốn điều lệ	56.7	56.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	177	74.8	66.8	160	97.1
Giá vốn hàng bán	136	53.6	53.8	141	84.0
Lợi nhuận gộp	40.3	21.1	13.0	18.9	13.0
Doanh thu HĐTC	1.05	0.22	0.56	-0.35	0.91
Chi phí TC	0.18	0	0.04	0.01	0
Chi phí lãi vay	0.18	0	0.04	0.01	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.1	8.50	5.64	6.47	5.46
Chi phí QLDN	15.2	8.76	6.19	8.45	6.49
LN thuần từ HĐKD	7.85	4.10	1.72	3.64	2.01
Lợi nhuận khác	0.21	0.12	0.26	0.04	0.18
LN trước thuế	8.06	4.22	1.98	3.68	2.20
Lợi nhuận sau thuế	7.34	3.65	1.74	3.24	2.03
LNST của CĐ cty mẹ	7.20	3.51	1.65	3.13	2.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	86.3	-35.8	6.45	31.4	4.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.13	-0.11	-1.30	-1.59	-0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.2	-0.35	-7.94	0	0
Tiền đầu kỳ	13.0	49.9	13.6	10.9	40.7
Lưu chuyển tiền thuần	37.0	-36.3	-2.79	29.8	4.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	49.9	13.6	10.9	40.7	45.2

(Nguồn: fireant.vn)